TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08-6-2023
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Ức;

2. Bà Cù Thị Ngọc Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mộng Thu là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Bảo Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 505/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **L**, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp L, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **B**, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp B, xã N, thị xã T, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị L trình bày: Chị và anh B tự tìm hiểu tình cảm yêu thương nhau và anh chị tự về chung sống với nhau vào năm 1998, không có tổ chức lễ cưới và cũng không có đăng ký kết hôn theo. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh B thường xuyên ăn nhậu và đánh đập chị nên vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị L yêu cầu được ly hôn với anh B.

Trong thời gian chung sống chị L và anh B có 03 đứa con chung tên N, sinh ngày 26/9/1999; T, sinh ngày 24/10/2020 và D, sinh ngày 03/02/2009. Đối với cháu N và cháu T hiện nay đã trưởng thành và lao động được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu D hiện nay đang sống với chị L. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Vào ngày 28/4/2023 chị L có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy L khai ngày 24/3/2023 anh B khai, anh và chị L tự tìm hiểu tình cảm yêu thương nhau và tự về chung sống với nhau vào năm 1998, không có tổ chức lễ cưới và cũng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, khó khăn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc nên vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Nay anh đồng ý ly hôn với chị L.

Trong thời gian chung sống anh chị có 03 đứa con chung tên N, sinh ngày 26/9/1999; T, sinh ngày 24/10/2020 và D, sinh ngày 03/02/2009. Đối với cháu N và cháu T hiện nay đã trưởng thành và lao động được. Đối với cháu D hiện nay đang sống với chị L. Khi ly hôn anh đồng ý giao cháu D cho chị L được quyền nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Vào ngày 24/3/2023 anh B có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến và nguyện vọng của người chưa thành niên ngày 26/01/2023 thì cháu D có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 191, 192, 203 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Không công nhận chị L và anh B là vợ chồng; về con chung: Chị L và anh B có 03 đứa con chung tên N, sinh ngày 26/9/1999; T, sinh ngày 24/10/2020 và D, sinh ngày 03/02/2009. Đối với cháu N và cháu T hiện nay đã trưởng thành và lao động được nên đề nghị HĐXX không xem xét. Đối với cháu D hiện nay đang sống với chị Lời. Cháu D có nguyện vọng được sống chung với mẹ do đó đề nghị HĐXX giao con chung cho chị Lđược quyền nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Do đó đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh B, có nơi cư trú tại ấp xã X, thị xã T, tỉnh An Giang là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Chị L và anh B đều có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh B.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị L và anh B chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị được xem là hôn nhân không hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị L và anh B tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng. Sau khi anh chị chung sống với nhau thì cuộc sống chung của vợ chồng lúc đầu có hạnh phúc, đến khoảng năm 2014 - 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, theo chị L trình bày, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh B thường xuyên ăn nhậu và đánh đập chị nên vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Còn anh B thì cho rằng, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, khó khăn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc nên vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh B và anh B cũng đồng ý ly hôn với chị L. Hội đồng xét xử xét thấy tuy anh chị đồng ý ly hôn nhau, nhưng do anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xét không công nhận chị L và anh B là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị L và anh B có có 03 đứa con chung tên N, sinh ngày 26/9/1999; T, sinh ngày 24/10/2020 và D, sinh ngày 03/02/2009. Đối với cháu N và cháu T hiện nay đã trưởng thành và lao động được nên chị L và anh B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu D hiện nay đang sống với chị L. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con và cháu D có nguyện vọng được sống với chị L nên Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và vì lợi ích của con Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xét, giao con chung cho chị L được quyền nuôi dưỡng cho đến khi cháu D trưởng thành và lao động được.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh B.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh B đều khai vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, do đó HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị Diễm phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận chị L và anh B là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Giao con chung tên D, sinh ngày 03/02/2009 cho chị L được quyền nuôi dưỡng cho đến khi cháu D trưởng thành và lao động được.

"Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; anh B có quyền đến thăm nom con chung, không ai được cản trở; cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó".

3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

4. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị L phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0006882 ngày 05/12/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

"*Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ*".

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌC PHIÊN TÒA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã, phường;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

Huỳnh Ngọc Lan